

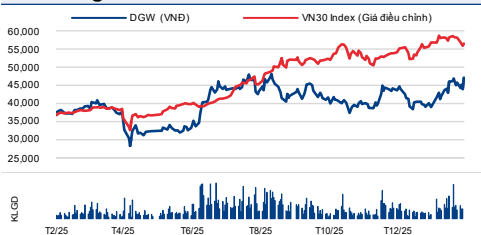
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ51,700
Tiềm năng tăng/giảm: 9.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/1/2026)	47,050
Mã Bloomberg	DGW VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	28,316-48,150
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	45,125
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	10,319
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	396
Slg CP lưu hành (tr.đv)	219
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	107
Slg CP NN được mua (tr.đv)	65.0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	19.4%
Tỷ lệ freefloat	54.0%
Cổ đông lớn	Created Future (31.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	22,078	25,065	28,839
EBITDA đc (tỷ đồng)	615	719	913
LNTT (tỷ đồng)	569	686	836
LNT ĐC (tỷ đồng)	444	556	651
FCF (tỷ đồng)	(157)	(1,733)	429
EPS ĐC (đồng)	2,003	2,515	2,944
DPS (đồng)	500	500	500
BVPS (đồng)	13,592	15,469	18,000
T.trưởng EBITDA (%)	23.5	16.9	26.9
T.trưởng EPS ĐC (%)	21.0	20.6	21.1
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	2.79	2.87	3.16
Tỷ suất LNTTT (%)	2.58	2.74	2.90
Tỷ suất LNT ĐC (%)	2.01	2.22	2.26
Tỷ lệ LN trả CT (%)	25.0	20.7	17.1
Nợ thuần/VCSH (%)	41.6	92.7	68.4
ROAE (%)	15.9	17.4	17.6
ROACE (%)	20.5	21.1	23.4
EV/doanh thu (lần)	0.52	0.53	0.44
EV/EBITDA ĐC (lần)	18.5	18.4	13.9
P/E ĐC (lần)	23.5	18.7	16.0
P/B (lần)	3.46	3.04	2.61
Lợi suất cổ tức (%)	1.06	1.06	1.06

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DGW là nhà cung cấp dịch vụ mở rộng thị trường cho các công ty công nghệ và hàng tiêu dùng. Các mảng kinh doanh chính: điện thoại di động, máy tính xách tay và máy tính bảng, thiết bị văn phòng, hàng tiêu dùng và chăm sóc sức khỏe.

Chuyên viên phân tích

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

KQKD Q4/2025: Tích cực, vượt kỳ vọng

- Trong Q4/2025, doanh thu thuần của DGW tăng 36% so với cùng kỳ đạt 7.990 tỷ đồng, cao hơn đáng kể so với dự báo của HSC. Lợi nhuận thuần đạt 160 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ và vượt kỳ vọng của chúng tôi ở mức 145 tỷ đồng. Nếu loại trừ khoản trích lập không thường xuyên 91 tỷ đồng để dự phòng giảm giá danh mục đầu tư chứng khoán, lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi đạt mức cao hơn là 232 tỷ đồng, tăng 66% so với cùng kỳ.
- Tất cả các mảng kinh doanh chính: Các mảng máy tính xách tay & máy tính bảng, thiết bị văn phòng, điện thoại di động và thiết bị gia dụng là động lực chính thúc đẩy lợi nhuận.
- DGW đang giao dịch với P/E dự phóng 12 tháng tới ở mức 15,8 lần, thấp hơn 0,7 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2023 ở mức 18 lần. HSC đang xem xét lại giá mục tiêu và khuyến nghị.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025

DGW ghi nhận KQKD Q4/2025 tích cực, vượt kỳ vọng của HSC. Doanh thu thuần đạt 7.990 tỷ đồng, tăng 36% so với cùng kỳ và 8% so với quý trước, cao hơn đáng kể so với dự báo của chúng tôi ở mức 6.424 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần tăng 14% so với cùng kỳ nhưng giảm nhẹ 4% so với quý trước xuống 160 tỷ đồng, cao hơn 10% so với dự báo của chúng tôi ở mức 145 tỷ đồng. Tăng trưởng mang tính diện rộng, được hỗ trợ bởi KQKD khả quan tại tất cả các mảng kinh doanh chính, bao gồm điện thoại di động, máy tính xách tay và máy tính bảng, thiết bị văn phòng và thiết bị gia dụng.

Nếu loại trừ khoản trích lập không thường xuyên 91 tỷ đồng cho giảm giá chứng khoán, lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi đạt mức cao hơn là 232 tỷ đồng, tăng 66% so với cùng kỳ.

Tính chung cả năm 2025, doanh thu thuần tăng trưởng 21% đạt 26.632 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận thuần tăng trưởng 23% đạt 548 tỷ đồng, cao hơn lần lượt 6% và 3% so với dự báo của chúng tôi.

Mảng máy tính xách tay & máy tính bảng: Vượt trội so với dự báo

Mảng máy tính xách tay và máy tính bảng là động lực tăng trưởng lớn nhất, với doanh thu đạt 2.008 tỷ đồng, tăng 76% so với cùng kỳ và cao hơn 37% so với dự báo của HSC. Đà tăng trưởng được hỗ trợ nhờ nhu cầu mạnh đối với các dòng máy tính xách tay tích hợp AI, chu kỳ thay thế sản phẩm và giá bán bình quân cao hơn. Mảng này đóng góp 25% doanh thu thuần của DGW trong Q4/2025.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 30/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2025 và năm 2025 hợp nhất, DGW

Tỷ đồng	Q4/25	Sv cùng kỳ	Sv quý trước	Q4/25F	% dự báo	2025	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	7,990	36%	8%	6,424	124%	26,632	21%
Giá vốn hàng bán	(7,298)	39%	8%	(5,794)	126%	(24,321)	21%
Lợi nhuận gộp	692	14%	6%	630	110%	2,311	12%
Chi phí BH&QL	(404)	-4%	-13%	(82)	490%	(1,593)	4%
EBIT	289	55%	55%	548	53%	718	36%
Doanh thu tài chính	79	42%	13%	381	21%	264	38%
Lỗ tài chính	(155)	133%	99%	(67)	231%	(317)	95%
Thu nhập thuần khác	(2)	n/m	n/m	3	-69%	21	71%
LNTT	211	12%	9%	208	102%	689	21%
LNST	162	10%	-4%	146	111%	555	24%
Lợi nhuận thuần	160	14%	-4%	145	110%	548	23%

Nguồn: HSC ước tính

Thiết bị văn phòng: Tăng trưởng mạnh, vượt kỳ vọng

Doanh thu mảng thiết bị văn phòng đạt mức kỷ lục 1.910 tỷ đồng trong Q4/2025, tăng 40% so với cùng kỳ và cao hơn 8% so với dự báo của HSC, đóng góp 24% tổng doanh thu. Trong các phân khúc, máy chủ dẫn đầu với mức tăng 79% so với cùng kỳ, nhờ trào lưu chuyển đổi số của doanh nghiệp và nhu cầu đầu tư vào các trung tâm dữ liệu. IoT là phân khúc tăng trưởng nhanh thứ hai, tăng 17% so với cùng kỳ.

Mảng điện thoại di động: Cao hơn kỳ vọng

Được hỗ trợ nhờ doanh số mạnh của dòng iPhone 17 của Apple (tăng 26% so với cùng kỳ), doanh thu mảng điện thoại di động tăng 19% đạt 3.210 tỷ đồng, cao hơn 39% so với dự báo của HSC. Điện thoại di động tiếp tục là mảng lớn nhất của DGW, chiếm 40% tổng doanh thu.

Thiết bị gia dụng: Tích cực và tương đương dự báo

Doanh thu mảng thiết bị gia dụng duy trì đà tăng trưởng tích cực, tăng 56% so với cùng kỳ đạt 567 tỷ đồng, cao hơn 3% so với dự báo của HSC. Mảng này đóng góp 7% doanh thu trong Q4/2025.

EBIT tăng mạnh 55%; tỷ suất EBIT mở rộng

EBIT tăng mạnh 55% so với cùng kỳ đạt 289 tỷ đồng trong Q4/2025, trong khi tỷ suất EBIT mở rộng thêm 0,4 điểm phần trăm lên 3,6%. Việc cải thiện tỷ suất lợi nhuận chủ yếu đến từ việc tối ưu hóa chi tiêu cho quảng cáo, các chương trình khuyến mãi và hoạt động hỗ trợ bán hàng.

Chi phí tài chính tăng 133% so với cùng kỳ do trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán

Trong Q4/2025, DGW thực hiện khoản đầu tư cổ phiếu lần đầu, phân bổ 772 tỷ đồng vào các cổ phiếu niêm yết bao gồm HPG, TCB và VPB. BLĐ cho biết đây là khoản đầu tư ngắn hạn nhằm tận dụng chi phí vốn thấp của Công ty. Tuy nhiên, DGW đã ghi nhận khoản trích lập giảm giá chứng khoán 91 tỷ đồng, khiến chi phí tài chính tăng 133% so với cùng kỳ lên 155 tỷ đồng.

Nếu loại trừ khoản mục không thường xuyên này, lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi tăng mạnh 66% so với cùng kỳ đạt 232 tỷ đồng.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi DGW công bố KQKD Q4/2025 tích cực hơn kỳ vọng và triển vọng tươi sáng nhất là tại mảng thiết bị văn phòng, HSC nhận thấy tiềm năng KQKD thực hiện cao hơn so với dự báo của chúng tôi cho các năm 2026-2027.

Bảng 2: Doanh thu thuần theo mảng kinh doanh, DGW

Tỷ đồng	Q4/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	Q4/25F	% dự báo	2025	Tăng trưởng
Điện thoại di động	3,210	19%	64%	2,314	139%	9,356	-2%
Laptop & MT bảng	2,008	76%	-37%	1,464	137%	8,397	34%
Thiết bị văn phòng	1,910	40%	16%	1,769	108%	6,195	41%
Thiết bị gia dụng	567	56%	33%	550	103%	1,741	75%
Hàng tiêu dùng	295	-1%	46%	327	90%	943	12%
Doanh thu thuần	7,990	36%	8%	6,424	124%	26,632	21%

Nguồn: HSC ước tính

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	18,817	22,078	25,065	28,839	31,867
Lợi nhuận gộp	1,559	2,055	2,249	2,660	3,001
Chi phí BH&QL	(1,142)	(1,529)	(1,637)	(1,866)	(2,039)
Thu nhập khác	47.0	54.9	73.4	84.5	93.4
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	464	581	686	879	1,055
Lãi vay thuần	(116)	(94.3)	(67.7)	(93.5)	(104)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(4.31)	1.30	1.69	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	126	80.5	66.6	50.6	54.4
LNTT	471	569	686	836	1,006
Chi phí thuế TNDN	(108)	(120)	(123)	(177)	(213)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(8.20)	(4.67)	(7.21)	(7.93)	(8.89)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	354	444	556	651	784
Lợi nhuận thuần ĐC	354	444	556	651	784
EBITDA ĐC	498	615	719	913	1,089
EPS (đồng)	1,655	2,003	2,415	2,925	3,489
EPS ĐC (đồng)	1,655	2,003	2,515	2,944	3,545
DPS (đồng)	500	500	500	500	1,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	166	219	221	221	221
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	167	219	221	221	221
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	219	219	221	221	221

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	1,450	1,407	337	1,171	1,973
Đầu tư ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu khách hàng	1,982	2,383	3,008	3,316	3,505
Hàng tồn kho	3,003	3,501	3,637	4,192	4,491
Các tài sản ngắn hạn khác	407	483	1,555	1,631	1,691
Tổng tài sản ngắn hạn	6,842	7,774	8,537	10,310	11,661
TSCĐ hữu hình	38.3	67.0	68.5	69.8	70.8
TSCĐ vô hình	92.8	105	103	101	98.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	2.26	22.8	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	19.1	11.5	13.0	13.0	13.0
Tài sản dài hạn khác	509	541	474	447	419
Tổng tài sản dài hạn	659	726	682	630	602
Tổng cộng tài sản	7,501	8,500	9,219	10,941	12,263
Nợ ngắn hạn	2,321	2,487	3,133	3,461	3,824
Phải trả người bán	1,557	2,303	1,880	2,596	2,868
Nợ ngắn hạn khác	810	482	309	364	417
Tổng nợ ngắn hạn	4,858	5,483	5,750	6,905	7,639
Nợ dài hạn	5.50	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	2.91	2.91	0	0	0
Nợ dài hạn khác	7.77	2.53	6.73	6.73	6.73
Tổng nợ dài hạn	16.2	5.45	6.73	6.73	6.73
Tổng nợ phải trả	4,874	5,488	5,757	6,912	7,646
Vốn chủ sở hữu	2,595	2,979	3,421	3,981	4,560
Lợi ích cổ đông thiểu số	32.5	33.1	40.3	48.2	57.1
Tổng vốn chủ sở hữu	2,627	3,012	3,462	4,029	4,617
Tổng nợ phải trả và VCSH	7,501	8,500	9,219	10,941	12,263
BVPS (đ)	15,531	13,592	15,469	18,000	20,617
Nợ thuần*/(tiền mặt)	877	1,080	2,796	2,289	1,851

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	464	581	686	879	1,055
Khấu hao	(33.8)	(33.8)	(33.8)	(33.8)	(33.8)
Lãi vay thuần	(116)	(94.3)	(67.7)	(93.5)	(104)
Thuế TNDN đã nộp	(100)	(121)	(134)	(177)	(213)
Thay đổi vốn lưu động	226	(565)	(2,183)	(112)	(178)
Khác	(14.5)	53.8	(60.9)	(91.9)	(102)
LCT thuần từ HKKD	493	(112)	(1,726)	438	492
Đầu tư TS dài hạn	(29.9)	(45.2)	(6.21)	(8.90)	(9.52)
Góp vốn & đầu tư	(157)	(220)	(22.0)	22.8	0
Thanh lý	54.3	155	0	0	0
Khác	70.9	48.3	129	146	161
LCT thuần từ HĐĐT	(62.1)	(61.6)	101	160	151
Cổ tức trả cho CSH	(167)	(83.5)	(111)	(112)	(225)
Thu từ phát hành CP	39.8	53.3	20.0	20.0	20.0
Tăng/giảm nợ	319	160	647	328	363
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	191	129	556	236	158
Tiền & tương đương tiền đầu kì	828	1,450	1,407	337	1,171
LCT thuần trong kỳ	623	(44.0)	(1,069)	834	802
Ảnh hưởng của tỷ giá	0	0.30	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,450	1,407	337	1,171	1,973
Dòng tiền tự do	463	(157)	(1,733)	429	483

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	8.29	9.31	8.97	9.22	9.42
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	2.65	2.79	2.87	3.16	3.42
Tỷ suất LNT (%)	1.88	2.01	2.22	2.26	2.46
Thuế TNDN hiện hành (%)	22.9	21.2	17.9	21.2	21.2
Tăng trưởng doanh thu (%)	(14.6)	17.3	13.5	15.1	10.5
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(44.3)	23.5	16.9	26.9	19.3
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(48.2)	25.3	25.3	17.1	20.4
Tăng trưởng EPS (%)	(46.9)	21.0	20.6	21.1	19.3
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(47.0)	21.0	25.6	17.1	20.4
Tăng trưởng DPS (%)	(50.0)	0	0	0	100
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	30.2	25.0	20.7	17.1	28.7
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	14.2	15.9	17.4	17.6	18.4
ROACE (%)	18.1	20.5	21.1	23.4	24.4
Vòng quay tài sản (lần)	2.72	2.76	2.83	2.86	2.75
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.06	(0.19)	(2.52)	0.50	0.47
Số ngày tồn kho	63.5	63.8	58.2	58.4	56.8
Số ngày phải thu	41.9	43.4	48.1	46.2	44.3
Số ngày phải trả	32.9	42.0	30.1	36.2	36.3
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	39.1	41.6	92.7	68.4	51.1
Nợ/tài sản (%)	32.9	31.1	38.1	35.6	35.1
EBIT/lãi vay (lần)	4.01	6.17	10.1	9.40	10.2
Nợ/EBITDA (lần)	4.95	4.30	4.88	4.27	3.95
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.41	1.42	1.48	1.49	1.53
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.46	0.52	0.53	0.44	0.38
EV/EBITDA ĐC (lần)	17.5	18.5	18.4	13.9	11.3
P/E (lần)	28.4	23.5	19.5	16.1	13.5
P/E ĐC (lần)	28.4	23.5	18.7	16.0	13.3
P/B (lần)	3.03	3.46	3.04	2.61	2.28
Lợi suất cổ tức (%)	1.06	1.06	1.06	1.06	2.13

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn